

Số: 45 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 20 tháng 4 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Bất động sản Bcons PS ngày 28 tháng 3 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 2005/TTr-CCBVMT ngày 20 tháng 4 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần Bất động sản Bcons PS, địa chỉ trụ sở chính tại số 176/1-176/3 đường Nguyễn Văn Thương, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Chung cư Lê Trọng Tấn tại đường Lê Trọng Tấn, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Chung cư Lê Trọng Tấn.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường Lê Trọng Tấn, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3702774899 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp; đăng ký lần đầu vào ngày 29 tháng 5 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06 tháng 02 năm 2023.



1.4. Mã số thuế: 3702774899.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đầu tư Chung cư ở với đầy đủ hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu sinh sống của người dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích dự án 3.820m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công*). Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư mới.

- Công suất: Khu chung cư 01 khối đế, 02 khối tháp (28 tầng nổi, 02 tầng hầm), quy mô 564 căn hộ, dân số 989 người.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Bất động sản Bcons PS được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Bất động sản Bcons PS có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023 đến ngày 20 tháng 4 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư xây dựng Chung cư Lê Trọng Tấn tại đường Lê Trọng Tấn, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- Cty CP Bất Động Sản Bcons PS;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Dĩ An;
- UBND phường An Bình;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Giang5.

**GIÁM ĐỐC**



**Ngô Quang Sự**



**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng 1 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:** Cấp phép trong giai đoạn khu vực dự án chưa được đầu tư mạng lưới thu gom nước thải đô thị. Khi khu vực dự án đã có mạng lưới thu gom nước thải đô thị (dự kiến vào năm 2028), Công ty phải thực hiện đầu nối nước thải của Khu chung cư Lê Trọng Tấn vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải đô thị của thành phố Dĩ An.

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 75 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, nước thải tắm giặt với lưu lượng lớn nhất khoảng 148 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ rửa tầng hầm, vệ sinh phòng chứa chất thải, từ khu vực chứa chất thải tập trung với lưu lượng lớn nhất khoảng 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Nước rửa lọc hồ bơi với lưu lượng lớn nhất khoảng 12 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** sông Sài Gòn.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Hệ thống thoát nước của khu vực trên đường Lê Trọng Tấn (đã được Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An chấp thuận đầu nối nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A tại Văn bản số 651/UBND-ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023; đã được Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Công ty cổ phần chấp thuận đầu nối tại Văn bản số 195/TL-DA ngày 24 tháng 3 năm 2023 trong giai đoạn chưa có mạng lưới thu gom nước thải về Chi nhánh xử lý nước thải Dĩ An).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 1.202.688,134; Y(m) = 610.068,121 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 245 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (trung bình 10,208m<sup>3</sup>/giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau khi xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1) sẽ bơm trực tiếp bằng đường ống thoát nước riêng uPVC D114mm, dài 15m → Đầu nối vào hố ga đường Lê Trọng Tấn → Cống tròn thoát nước trên đường Lê Trọng Tấn (BTCT D1.000mm, dài 500m) → Cống hộp thoát nước trên đường An Bình (BTCT 1.000mm x 1.000mm, dài 350m) → Cống thoát nước trên đường Trần Thị Vũng (BTCT 2.500mm x 2.500mm, chiều dài 650m) →



Mương cầu Gió Bay (cách dự án khoảng 1.500m) bằng phương án tự chảy theo độ dốc của công thoát nước → Rạch Gò Dưa → Sông Sài Gòn. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Hình thức xả: Bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm  | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ  | Quan trắc tự động, liên tục   |
|----|---|-------------|---------------------------|---|---|
| 1  | pH  | -           | 6-9                       | Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP | Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (20°C)                                 | mg/L        | 30                        |   |   |
| 3  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)                             | mg/L        | 50                        |   |   |
| 4  | Tổng chất rắn hòa tan                                   | mg/L        | 500                       |   |   |
| 5  | Sunfua (H <sub>2</sub> S)                               | mg/L        | 1                         |   |   |
| 6  | Amoni (tính theo N)                                     | mg/L        | 5                         |   |   |
| 7  | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)    | mg/L        | 30                        |   |   |
| 8  | Dầu mỡ động, thực vật                                   | mg/L        | 10                        |   |   |
| 9  | Tổng các chất hoạt động bề mặt                          | mg/L        | 5                         |   |   |
| 10 | Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P) | mg/L        | 6                         |   |   |
| 11 | Coliform  | MPN/100 mL  | 3.000                     |   |   |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh các tầng sẽ được thu gom bằng đường ống uPVC D220mm dẫn về bể tự hoại (01 cụm bể tự hoại với kích thước dài x rộng x sâu = 28,4m x 7,3m x 2,7m) đặt dưới hầm 2 của tòa nhà để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống uPVC D220mm.



- Nguồn số 2: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, nước thải tắm giặt từ các tầng sẽ được thu gom bằng đường ống uPVC D80mm-125mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống uPVC D220mm.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ rửa tầng hầm, vệ sinh phòng chứa chất thải, từ khu vực chứa chất thải tập trung dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống uPVC D125mm.

- Nguồn số 04: Nước rửa lọc hồ bơi dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống uPVC D125mm.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đen (*sau bể tự hoại*) + Nước thải còn lại → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Arotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước trên đường Lê Trọng Tấn.

- Công suất thiết kế: 245 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng, Javen, NaOCL, Kiềm.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NDD-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.



## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Dự kiến vận hành thử nghiệm 03 tháng (từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 3 năm 2026).

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Nước thải đầu vào tại bể điều hòa.

- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng). Tọa độ: X(m) = 1.202.688,134; Y(m) = 610.068,121 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải)

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đối với việc đấu nối thoát nước của dự án ra đường Lê Trọng Tấn, yêu cầu Công ty cổ Phần Bất động sản Bcons PS phải phối hợp với Công ty cổ Phần khách sạn Đầu tư Kim Sơn thực hiện các nội dung như sau theo Văn bản số 195/TL-DA ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Công ty cổ phần, cụ thể:

- Thi công cải tạo hệ thống thoát nước mưa đường Lê Trọng Tấn.

- Thi công nâng cấp tuyến thoát nước mưa đường An Bình (đoạn tiếp giáp đường Lê Trọng Tấn đến hố ga tiếp nhận nước tại đầu đường Trần Thị Vũng).

- Tổ chức đấu nối tuyến nước mưa đường Lê Trọng Tấn vào đường An Bình.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu nhà ở.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử

nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.





## Phụ lục 2

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng 4 năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hồ thu gom, bể điều hòa, bể Anoxic, bể MBBR, bể Aerotank, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải của dự án.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

**2.1. Vị trí xả khí thải:** tại ống xả thải của hệ thống xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải:  $X(m) = 1.202.668,173$ ;  $Y(m) = 610.086,447$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**  $1.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B,  $K_p=1$ ,  $K_v=0,8$  và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm       | Đơn vị tính        | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ   | Quan trắc tự động, liên tục  |
|----|--------------------|--------------------|---------------------------|--|--|
| 1  | H <sub>2</sub> S   | mg/Nm <sup>3</sup> | 7,5                       | Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP | Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP |
| 2  | NH <sub>3</sub>    | mg/Nm <sup>3</sup> | 50                        |  |  |
| 3  | CH <sub>3</sub> SH | mg/Nm <sup>3</sup> | 15                        |  |  |

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

##### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về hệ thống xử lý:

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hồ thu gom, bể điều hòa, bể Anoxic, bể MBBR, bể Aerotank, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải có thành phần chủ yếu là H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CH<sub>3</sub>SH được thu bằng quạt hút cao áp (*công suất 1.000 m<sup>3</sup>/giờ*) qua các đường ống dẫn (uPVC D100mm) về tháp hấp phụ bằng vật liệu than hoạt tính để xử lý.



### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi hôi) → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút (lưu lượng  $1.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ) → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (Tháp hình trụ,  $D = 0,6\text{m}$ , chiều cao  $1,6\text{m}$ ) → Ống phát thải (Ống uPVC  $D114\text{mm}$ , chiều cao  $2,17\text{m}$ ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng  $320 \text{ kg/năm}$ , tần suất thay than 03 tháng/lần.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải (dự kiến vận hành thử nghiệm 03 tháng từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 3 năm 2026).

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:  $X(\text{m}) = 1.202.668,173$ ;  $Y(\text{m}) = 610.086,447$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của hệ thống xử lý mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành



hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động sản xuất hoặc gây ô nhiễm môi trường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized, elongated horizontal stroke with a small loop at the end.



**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng 11 năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn: Khu vực hệ thống xử lý nước thải (Tại nhà điều hành: khu vực chứa máy bơm, máy thổi khí, các thiết bị liên quan đến hệ thống xử lý nước thải).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tọa độ: X(m) = 1.202.668,173; Y(m) = 610.086,447 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>)

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------|
| 1  | 70                        | 55                        | -                          | Khu vực thông thường |

**3.2. Độ rung:**

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) |                     | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|--|---------------------|----------------------------|----------------------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ  | Từ 21 giờ đến 6 giờ |                            |                      |
| 1  | 70   | 60                  | -                          | Khu vực thông thường |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



A handwritten signature in blue ink is located at the bottom center of the page.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **45** /GPMT-STNMT ngày **20** tháng **4** năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

| STT                    | Tên chất thải  | Khối lượng phát sinh (kg/năm) | Trạng thái tồn tại | Mã chất thải | Ký hiệu |
|------------------------|--|-------------------------------|--------------------|--------------|---------|
| 1                      | Hộp chứa mực in thải   | 234                           | Rắn                | 08 02 04     | KS      |
| 2                      | Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi)             | 340                           | Rắn                | 12 01 04     | NH      |
| 3                      | Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải                                 | 100                           | Rắn/lỏng           | 16 01 05     | NH      |
| 4                      | Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải                        | 100                           | Rắn                | 16 01 06     | NH      |
| 5                      | Dầu, nhớt, mỡ thải (dầu máy)   | 230                           | Lỏng               | 16 01 08     | NH      |
| 6                      | Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại | 100                           | Rắn/lỏng           | 16 01 09     | KS      |
| 7                      | Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại                    | 110                           | Lỏng               | 16 01 10     | KS      |
| 8                      | Pin, ắc quy chì thải   | 170                           | Rắn                | 16 01 12     | NH      |
| 9                      | Linh kiện, thiết bị điện tử, đèn led                                 | 370                           | Rắn                | 16 01 13     | NH      |
| 10                     | Bao bì mềm có các thành phần nguy hại                                | 210                           | Rắn                | 18 01 01     | KS      |
| 11                     | Bao bì nhựa cứng thải: chai xịt côn trùng, chai xịt phòng...         | 300                           | Rắn                | 18 01 03     | KS      |
| 12                     | Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại                        | 200                           | Rắn                | 18 02 01     | KS      |
| <b>Tổng khối lượng</b> |  | <b>2.464</b>                  |                    |              |         |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:**

| STT                    | Tên chất thải                        | Mã chất thải | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------------|--------------------------------------|--------------|---------------------|
| 1                      | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải | 12 06 10     | 24.970              |
| 2                      | Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ            | 12 06 11     | 1.809               |
| <b>Tổng khối lượng</b> |                                      |              | <b>26.779</b>       |

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các căn hộ, nhà trẻ, bao gồm: rác hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn, ...*), rác vô cơ (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, ...*), khối lượng khoảng 1.350 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 12 thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho diện tích 10m<sup>2</sup> (đặt tại tầng 1 của Block B).
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 02 thùng loại 240 lít (có nắp đậy) để lưu chứa dầu mỡ thải; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được chứa trong bể chứa bùn (định kỳ 03 tháng hút 01 lần).

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: lưu chứa trong khu chứa rác sinh hoạt tập trung diện tích 10m<sup>2</sup>.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại mỗi tầng bố trí 02 phòng chứa chất thải (diện tích 5m<sup>2</sup>/phòng) tại khu vực cầu thang (03 thùng 240 lít khác màu chứa chất thải rắn sinh hoạt).

- 04 thùng loại 660 lít có nắp đậy tại khu chứa rác sinh hoạt tập trung.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa diện tích 10m<sup>2</sup> (đặt tại tầng 1 của Block A).



- Thiết kế, cấu tạo của nhà lưu chứa và phân loại chất thải rắn: Được xây dựng bằng vách tường, có mái che, nền đổ bê tông, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

**2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại**

- Xây dựng quy định quản lý khu chung cư, hướng dẫn các hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, trang bị các bao bì, thùng chứa phù hợp để lưu giữ các loại chất thải; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.



## Phụ lục 5

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các quá trình thi công, đảm bảo mọi loại chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động thi công của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.
4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
7. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.
10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.